

Số: 42/TB-UBND

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 7 năm 2020

**THÔNG BÁO**

**Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 289/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 13 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, phân bổ ngân sách cấp Tỉnh năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020, gồm các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN;
2. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN;
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN.

Hình thức công khai: thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo đến các cơ quan, địa phương được biết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Sở Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu VT, KT/HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thiện Nghĩa**

Biểu số 59/CK-NSNN  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số 42/TB-UBND ngày 14/7/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>8.495.000</b>	<b>4.391.783</b>	<b>51,70</b>	<b>95,66</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>8.495.000</b>	<b>4.391.783</b>	<b>51,70</b>	<b>95,66</b>
1	Thu nội địa	8.425.000	4.336.847	51,48	98,32%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	70.000	54.936	78,48	134,64%
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.686.690</b>	<b>6.728.074</b>	<b>49,16</b>	<b>110,36</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12.181.277</b>	<b>6.395.555</b>	<b>52,50</b>	<b>109,02</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.191.485	2.314.234	72,51	103,93
2	Chi thường xuyên	8.373.843	4.079.243	48,71	113
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	77		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	100,00	100
5	Chi dự phòng ngân sách	233.960	0	0,00	0
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	378.989	0		0,00
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.474.513</b>	<b>332.519</b>	<b>22,55</b>	<b>145</b>
<b>III</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại</b>	<b>30.900</b>			
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				

*Ghi chú: Chi đầu tư phát triển đã bao gồm chi chuyển nguồn năm sau.*

Biểu số 60/CK-NSNN

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**  
(Ban hành kèm theo Thông báo số 42/TB-UBND ngày 14/7/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)</b>	<b>8.495.000</b>	<b>4.391.783</b>	<b>51,70%</b>	<b>98,73%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>8.425.000</b>	<b>4.336.847</b>	<b>51,48%</b>	<b>98,32%</b>
	<i>Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, XSKT)</i>	<i>6.365.000</i>	<i>2.805.095</i>	<i>44,07%</i>	<i>85,67%</i>
1	Thu từ DNNN	750.000	334.864	44,65%	95,63%
2	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	60.000	33.148	55,25%	82,43%
3	Thu từ khu vực kinh tế - NQD	1.410.000	682.306	48,39%	80,57%
4	Thuế thu nhập cá nhân	580.000	270.381	46,62%	96,12%
5	Thu phí xăng, dầu, thuế bảo vệ môi trường	2.510.000	1.076.471	42,89%	94,14%
6	Lệ phí trước bạ	345.000	127.792	37,04%	85,47%
7	Thu phí, lệ phí	187.000	91.843	49,11%	100,91%
8	Các khoản thu về nhà, đất	748.000	420.722	56,25%	115,37%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	628		64,94%
-	Thuế nhà đất /thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	3.485	43,56%	71,28%
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	382.398	63,73%	135,19%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	140.000	34.148	24,39%	50,16%
-	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	0	63		0,80%
9	Thu tiền CQ khai thác khoáng sản	6.000	5.370	89,50%	49,37%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các	55.000	0		

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.460.000	1.149.354	78,72%	134,64%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	516	12,89%	40,73%
13	Thu khác ngân sách	310.000	144.081	46,48%	79,91%
<b>II</b>	<b>Thuế xuất nhập khẩu</b>	<b>70.000</b>	<b>54.936</b>	<b>78,48%</b>	<b>147,61%</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>6.718.700</b>	<b>3.608.976</b>	<b>53,72%</b>	<b>99,36%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	3.625.175	1.673.926	46,18%	88,37%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.093.525	1.935.050	62,55%	111,34%

Biểu số 61/CK-NSNN

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 42/TB-UBND ngày 14/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>13.686.690</b>	<b>6.728.074</b>	<b>49,16</b>	<b>110,36</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>12.181.277</b>	<b>6.395.555</b>	<b>52,50</b>	<b>109,02</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.191.485</b>	<b>2.314.234</b>	<b>72,51</b>	<b>103,93</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.919.533	2.166.984		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		37.057		
3	Chi đầu tư phát triển khác	271.952	110.193		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.373.843</b>	<b>4.079.243</b>	<b>48,71</b>	<b>113,18</b>
	<b>Trong đó:</b>				
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.653.123	1.556.571	42,61	103,56
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.000	11.002	35,49	116,32
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	764.071	466.198	61,02	97,70
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	77.000	34.273	44,51	103,51
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	34.956	9.427	26,97	127,89
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.000	14.466	42,55	104,45
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	143.469	29.662	20,68	61,12
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.582.205	551.793	34,87	128,22
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.344.176	735.984	54,75	114,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
10	Chi đảm bảo xã hội	420.000	403.227	96,01	209,71
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>1.000</b>	<b>77</b>		<b>0,23</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>V</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>233.960</b>	-		
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>378.989</b>	-		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.474.513</b>	<b>332.519</b>	<b>22,55</b>	<b>144,62</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	426.575	136.560	32,01	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	906.600	195.959	21,61	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	141.338	0	0,00	
<b>C</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHO VAY VÀ CHO VAY LẠI</b>	<b>30.900</b>			